



Mã số: 250612/2205:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP XA LỘ HÀ NỘI**
- Địa chỉ: 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT7.250612	0612/NT/U-COM-XLHN/1: Trước HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1199782; Y = 611816)

4. Ngày lấy mẫu: 12/06/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT7.250612	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	6,23	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	604	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	115	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	962	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	7,65	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	364	1.090
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,51	4
8	P _{PO₄³⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	4,51	10
9	N _{NO₃⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,86	50
10	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	30,7	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	0,33	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	12x10 ³	5.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng tài nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được B&A công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250612/2206:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP XA LỘ HÀ NỘI
- Địa chỉ: 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.250612	0612/NT/U-COM-XLHN/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1199790; Y = 611829)

4. Ngày lấy mẫu: 12/06/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.250612	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	7,10	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	30	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 18	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	47	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	247	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P _{PO₄³⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	2,60	10
9	N _{NO₃⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,92	50
10	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	9,30	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	< 0,20	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	320	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm